

Số: 21 /2019/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 27 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí
khuyến công thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại các Văn bản: số 440/TTr-SCT ngày 14 tháng 3 năm 2018, số 543/SCT-QLCN ngày 26 tháng 3 năm 2019, số 1093/SCT-QLCN ngày 31 tháng 5 năm 2019; Báo cáo thẩm định số 07/BCTĐ-STP ngày 4 tháng 3 năm 2019 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công thành phố Hải Phòng”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2019 và thay thế Quyết định số 2644/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công thành phố Hải Phòng.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Công Thương);
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư Pháp);
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PVP UBNDTP;
- Sở Tư pháp, Công báo thành phố,
Đài PT&TH HP, Báo HP,
Công TTĐT TP;
- Các Phòng chuyên viên;
- CV: CT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thành

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21 /2019/QĐ-UBND ngày 27 / 6 /2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

CHƯƠNG I NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định trình tự lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị trấn, xã và các phường được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Kinh phí khuyến công thành phố Hải Phòng

Kinh phí khuyến công thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là kinh phí khuyến công) là kinh phí do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, sử dụng để hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn nông thôn; các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động sản xuất công nghiệp nông thôn phù hợp với chiến lược, quy hoạch về phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố.

2. Các đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước; hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp. Ngoài các đề án, nhiệm vụ khuyến công nêu trên, các đề án, nhiệm vụ khuyến công khác thực hiện theo phương thức xét chọn, trừ trường hợp Giám đốc Sở Công Thương căn cứ vào quy mô, tính chất, mức kinh phí báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các đề án, nhiệm vụ phải thực hiện thông qua đấu thầu nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí khuyến công hiệu quả nhất.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, đúng các quy định hiện hành của pháp luật; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguồn kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công thành phố được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách của Ủy ban nhân dân thành phố cấp hàng năm.
- b) Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- c) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc ưu tiên

1. Địa bàn ưu tiên: Ưu tiên các chương trình, đề án thực hiện tại địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hàng năm hoặc từng giai đoạn và các huyện đảo.

2. Ngành nghề ưu tiên:

a) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; công nghiệp cơ khí, hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp hỗ trợ; áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp.

b) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ; sản xuất sản phẩm có thị trường xuất khẩu; sản xuất sản phẩm sử dụng nhiều lao động; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; sản xuất sản phẩm thuộc các chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực, công nghiệp trọng điểm của thành phố.

Điều 6. Ngành nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này được hưởng các chính sách khuyến công theo các nội dung quy định tại Điều 8 Quy chế này khi đầu tư sản xuất vào các ngành, nghề sau đây:

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.
2. Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.
3. Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng.
4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.
5. Sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp.
6. Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 7. Nội dung chi hoạt động khuyến công

Nội dung chi hoạt động khuyến công theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công

Điều 8. Mức chi hoạt động khuyến công

1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% nhưng không quá 600 triệu đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 80 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình



4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

5. Chi hỗ trợ tổ chức và tham gia hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trong nước:

a) Hỗ trợ 80% tiền thuê gian hàng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong nước.

b) Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức theo giá được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt khi tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn thành phố.

6. Chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố, cấp huyện, bao gồm: Chi công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện; tổ chức bình chọn; công bố, trao giấy chứng nhận và tiền thưởng cho các sản phẩm đạt giải. Mức chi 120 triệu đồng/lần bình chọn cấp thành phố; 40 triệu đồng/lần bình chọn cấp huyện.

7. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/nhãn hiệu.

8. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

9. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tại các huyện Cát Hải, Bạch Long Vỹ bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi, dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ 8 triệu đồng/doanh nghiệp.

10. Chi hỗ trợ 100% chi phí thực hiện Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác về phát triển công thương.

11. Chi hỗ trợ thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 50 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp thành phố; không quá 30 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp huyện.

12. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức chi hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/cụm liên kết.



13. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 năm đầu nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vay vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Đầu tư Việt Nam.

14. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

15. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cụm công nghiệp.

16. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng mới kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước trong cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 3.000 triệu đồng/cụm công nghiệp;

17. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 1.000 triệu đồng/cụm công nghiệp.

18. Chi thù lao cho Công tác viên khuyến công. Mức chi 1 triệu đồng/người/ tháng.

19. Chi hỗ trợ các Phòng trưng bày cho các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực hoặc cấp quốc gia; Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý, dụng cụ trưng bày. Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/phòng trưng bày.

20. Mức chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố 4.000.000 đồng/sản phẩm; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện 2.000.000 đồng/sản phẩm;

21. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công:

Sở Công Thương được sử dụng 1,5% kinh phí khuyến công do Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện, nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.



Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công. Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.

Mức chi chung của hoạt động khuyến công thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành theo các văn bản liên quan tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Khi các văn bản được trích dẫn tại Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.”

Điều 9. Xây dựng chương trình khuyến công, kế hoạch khuyến công thành phố

1. Căn cứ Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và tình hình thực tế nhu cầu công tác khuyến công trên địa bàn, Sở Công Thương xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình khuyến công thành phố từng giai đoạn.

2. Căn cứ Chương trình khuyến công thành phố từng giai đoạn, chậm nhất vào ngày 15/6 của năm hiện tại, Ủy ban nhân dân các huyện, quận; Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Sản xuất sạch hơn thuộc Sở Công Thương lập và trực tiếp gửi đăng ký kế hoạch khuyến công cho năm sau về Sở Công Thương. Sở Công Thương tổng hợp, lập kế hoạch khuyến công và gửi Sở Tài chính trước ngày 31/7 của năm hiện tại.

Điều 10. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, đơn vị thực hiện phải có văn bản gửi Sở Công Thương, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án.

2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án của các đơn vị thực hiện, Sở Công Thương xem xét phê duyệt hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:

a) Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt việc bổ sung hoặc ngừng triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương; các điều chỉnh về tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ, thay đổi nội dung đề án khuyến công, gia hạn thời gian thực hiện đề án sang năm tiếp theo.

b) Sở Công Thương phê duyệt việc thay đổi địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện đề án (trong năm tài chính) mà không làm thay đổi tổng mức kinh phí hỗ trợ và nội dung đề án đã được phê duyệt.

Điều 11. Quản lý kinh phí khuyến công

1. Lập và phân bổ dự toán kinh phí khuyến công

Hàng năm, căn cứ vào số kiểm tra về dự toán chi ngân sách thành phố; căn cứ vào kế hoạch khuyến công và mức chi quy định tại Điều 9 Quy chế này, Sở Công Thương lập dự toán kinh phí khuyến công thành phố để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương năm sau trình Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Phương thức cấp phát kinh phí khuyến công

a) Dự toán kinh phí khuyến công hàng năm đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt được giao về Sở Công Thương quản lý. Sở Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí chi tiết theo đơn vị thực hiện đề án.

b) Căn cứ Quyết định phê duyệt đề án khuyến công của Ủy ban nhân dân thành phố, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt đề án, Sở Công Thương ký hợp đồng với các đơn vị thực hiện đề án (hoặc có văn bản giao nhiệm vụ đối với Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Sản xuất sạch hơn thuộc Sở Công Thương) đồng thời chuyển tạm ứng không quá 70% tổng kinh phí từng đề án về tài khoản của đơn vị thực hiện để triển khai thực hiện và thực hiện việc hỗ trợ theo tiến độ của đề án.

3. Quyết toán kinh phí khuyến công

Thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

1. Sở Công Thương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố. Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, quận hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các đề án khuyến công tại đơn vị thụ hưởng, đảm bảo việc sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan phổ biến Quy chế này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố biết và thực hiện;

c) Định kỳ hàng quý (hoặc đột xuất) tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Công Thương về hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố.

d) Các nhiệm vụ khác quy định tại Quy chế này.

2. Sở Tài chính tổng hợp dự toán kinh phí khuyến công hàng năm do Sở Công Thương lập, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định; phối hợp với Sở Công Thương thẩm định các đề án khuyến công trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; thẩm định, quyết toán kinh phí khuyến công hàng năm theo quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

4. Kho bạc Nhà nước thành phố kiểm soát chi kinh phí khuyến công theo chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Ủy ban nhân dân các huyện hướng dẫn các đơn vị lập đề án, thực hiện đăng ký kế hoạch khuyến công trên địa bàn huyện gửi Sở Công Thương; phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án theo đúng nội dung và tiến độ được phê duyệt.

Căn cứ nhiệm vụ phát triển xã hội trên địa bàn khả năng ngân sách của địa phương, hàng năm Ủy ban nhân dân các huyện quyết định trích một phần kinh phí để phục vụ hoạt động khuyến công trên địa bàn huyện. Trình tự lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công các huyện thực hiện theo Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan khác

6. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Sản xuất sạch hơn thuộc Sở Công Thương hướng dẫn nghiệp vụ khuyến công đối với hoạt động khuyến công cấp huyện, xã trên địa bàn thành phố; Thực hiện hướng dẫn đối với các đơn vị quản lý tham gia hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả công tác khuyến công.

7. Các đơn vị thực hiện đề án lập đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện đề án theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết; sử dụng kinh phí đúng mục đích; chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong xây dựng đề án, các loại báo cáo và các văn bản liên quan khác của các đề án khuyến công; thực hiện quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng và chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về đề án khuyến công theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Quy chế này.

Các đơn vị sử dụng kinh phí khuyến công sai mục đích, vi phạm chế độ tài chính hiện hành thì phải hoàn trả lại khoản kinh phí đã hỗ trợ và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thành

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21 /2019/QĐ-UBND ngày 27 / 6 /2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Mức chi các nội dung trên áp dụng theo Quyết định 1129/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn và diễn đàn:

Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn áp dụng theo Nghị Quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương.

Chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công áp dụng theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13/8/2014 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Chi tổ chức thăm quan tập kinh nghiệm, khảo sát, hội chợ triển lãm ở nước ngoài:

Đối với các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề được hỗ trợ 100% tiền vé và thuê phương tiện đi lại, bao gồm: Tiền vé máy bay, vé tàu, vé xe từ Việt Nam đến nước công tác và ngược lại (kể cả vé máy bay, vé tàu xe của chặng đường trong nội địa Việt Nam và nước đến công tác). Căn cứ tình hình thực tế và số người đăng ký của các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp đi tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm ngoài nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố. Mức chi áp dụng theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí.

4. Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn tại thành phố Hải Phòng áp dụng theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

5. Tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước: Các đơn vị hành chính, sự nghiệp; các tổ chức hoạt động liên quan đến phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề đi tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước được hỗ trợ 100% chi phí. Nội dung gồm: Thuê phương tiện hoặc chi phí tàu, xe, vé máy bay; thuê chỗ ở; phụ cấp lưu trú; tổ chức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm và các chi phí khác. Mức chi theo Nghị Quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương./.

